

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

Bản án số: 148/2022/HS-ST  
Ngày 16-9-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Biên.
2. Ông Nguyễn Văn Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh B, điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2022/HSST ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 tại huyện Y, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã TL, huyện Y, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2008.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 07/5/2020.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2011/HSST ngày 17/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 07 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích.

- Ngày 29/6/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

(Có mặt).

\* Bị hại: Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1985 (chết ngày 28/5/2022).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Xuân T1:

- Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1960.

- Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1964.

- Chị HLát BKr, sinh năm 1985.

- Cháu Nguyễn Xuân H, sinh năm 2008, cháu Nguyễn Thu H1, sinh năm 2013, cháu Nguyễn An Tm, sinh năm 2022 đều do chị HLát BKr là người đại diện hợp pháp.

Đều địa chỉ: Thôn TM, xã ĐS, thành phố B, tỉnh B.

(Bà L3, chị H Lát BKr ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân T2 tham gia tố tụng. Ông T2 có mặt tại phiên tòa).

\* Đại diện tổ chức chính trị xã hội tại địa phương nơi cháu Hùng, cháu Hà, cháu Tâm sinh sống: Chị Trần Kim A - Bí thư Đoàn Thanh niên xã ĐS, thành phố B, tỉnh B.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Đăng K, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 35, đường QT, phường TP, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Đình L4, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 10, ngõ 107, đường Nguyễn Văn C, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 trú tại thôn TĐ, xã TL, huyện Y, tỉnh B và anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1985 trú tại thôn TM, xã ĐS, thành phố B, tỉnh B có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 15 giờ ngày 28/4/2022, T đi bộ trên cầu ĐS thuộc địa phận xã ĐS, thành phố B thì gặp anh T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21B8 – 5088 đi qua. T nhờ anh T1 chở về nhà và mời anh T1 ở lại ăn uống. Trong lúc đang ăn, T nhìn thấy anh T1 có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 16K, vỏ màu xanh (loại có bộ nhớ 32GB, Ram 3GB, lắp sim số 0339.029.025) nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T1 để bán lấy tiền.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, T mời anh T1 đến thành phố B uống rượu thịt chó, mục đích để tìm cơ hội thuận lợi sẽ chiếm đoạt chiếc điện thoại. Anh T1 đồng ý và điều khiển xe mô tô chở T đến quán thịt chó L4 T ở Số 10, ngõ 107, đường Nguyễn Văn C, phường Hoàng Văn Th, thành phố B. Hai người ngồi ở bàn ở tầng 1. T bảo ông Nguyễn Đình L4 là chủ quán làm cho một số món ăn với mục đích để

cho anh T1 tin tưởng. Khi ông L4 vào bếp chuẩn bị đồ ăn thì T nói dối anh T1 là cho T mượn điện thoại để gọi thêm bạn đến uống rượu cùng. Anh T1 tưởng thật nên đưa cho T chiếc điện thoại. T giả vờ bấm điện thoại và đi ra ngoài cửa hàng. Sau đó, T đi bộ đến cửa hàng điện thoại của anh Vũ Đăng K, sinh năm 1983 ở số nhà 36, đường Nguyễn Văn C, phường LL, thành phố B. T bán cho anh K chiếc điện thoại với giá 1.500.000 đồng. Khi mua bán thì anh K không hỏi và T cũng không nói về nguồn gốc chiếc điện thoại. Anh T1 không thấy T quay lại nên đi về nhà. Ngày 05/5/2022, anh T1 làm đơn trình báo. Ngày 06/5/2022, Nguyễn Văn T đến Công an thành phố B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Theo T khai đã sử dụng chi tiêu hết số tiền bán điện thoại.

Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 12/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO 16K, vỏ màu xanh, bộ nhớ 32GB, Ram 3GB, mua mới ngày 06/4/2022, đã qua sử dụng, có trị giá tại thời điểm ngày 28/4/2022 là 2.500.000 đồng.

- 01 sim điện thoại số thuê bao 0339029025, đã qua sử dụng, trị giá tại thời điểm ngày 28/4/2022 là 50.000 đồng.

Anh Vũ Đăng K sau khi mua chiếc điện thoại di động đã bán lại cho người không quen biết, còn chiếc sim điện thoại thì anh K đã vứt đi nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Xuân T1 yêu cầu T phải bồi thường số tiền 2.550.000 đồng. Đến ngày 28/5/2022, anh T1 bị chết do đuối nước. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1960 là bố anh T được gia đình cử tham gia tố tụng trong vụ án.

- \* Tại bản cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 04 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- \* Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

- \* Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại ông Nguyễn Xuân T2 trình bày: Ông đã từng nghe con trai ông là Nguyễn Xuân T1 kể về sự việc ngày 28/4/2022 bị bị cáo T mời đi ăn sau đó chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại. Về trách nhiệm dân sự, ông nhất trí với ý kiến của anh T đã trình bày tại Cơ quan điều tra, yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 2.550.000 đồng. Về mức hình phạt đối với bị cáo, ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

- \* Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhất trí và không có ý kiến gì.

- \* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 6 tháng tù

đến 3 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/5/2022. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại (do ông Nguyễn Xuân T2 là người đại diện theo ủy quyền) số tiền 2.550.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, cũ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

\* Những người tham gia tố tụng không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo T xin được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội cải tạo bản thân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/4/2022, Nguyễn Văn T rủ anh Nguyễn Xuân T1 đến quán thịt chó L4 T ở đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B mục đích để lừa đảo chiếm đoạt của anh T1 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 16K. T giả vờ mượn điện thoại của anh T1 để gọi bạn đến cùng ăn uống. Sau khi được anh T1 cho mượn, T đã đem chiếc điện thoại đi bán được 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt của anh T1 là 2.550.000 đồng. Bị cáo có hai tiền án, chưa được xóa án tích là Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 07/5/2020 và Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2021, nay lại tiếp tục phạm tội nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an xã hội và hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, đã 3 lần bị xét xử về hình sự và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam, cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo tự nguyện xin đầu thú. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc hộ nghèo, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại (do ông Nguyễn Xuân T2 là người đại diện theo ủy quyền) số tiền 2.550.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, cũ đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí sơ thẩm.

[9] Đối với anh K mua chiếc điện thoại do T bán nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[12] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Điều 106, Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại (do ông Nguyễn Xuân T2 là người đại diện theo ủy quyền) số tiền 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, cũ đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Bị cáo được miễn án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B
- VKSND thành phố B;
- CQCSĐT-CA TP B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- UBND xã TT, TP B;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thảo**